

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14/04/2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 36/2022/TLST - DS ngày 29/03/2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1958

Địa chỉ: khối S, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đào Thị H – sinh năm 1978

Địa chỉ: số 56, đường A, TP.V, tỉnh Nghệ An

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Vinh K – sinh năm 1971

Địa chỉ: khối X (nay là khối S), thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Hoàng Thị Hồng T – sinh năm 1989.

Địa chỉ: khối X (nay là khối S), thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nội dung: Các bên thống nhất tiếp tục thực hiện thỏa thuận tại Hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 25/11/2008 giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Vinh K:

- Ông Nguyễn Vinh K có nghĩa vụ tiếp tục giao cho bà Nguyễn Thị T Quyền sử dụng thửa đất số 251, tờ bản đồ 02, diện tích 93,06m² tại khối 10, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 984761 do UBND thành phố V cấp ngày 14/07/2008 mang tên ông

Nguyễn Vinh K.

- Bà Nguyễn Thị T có quyền sử dụng thửa đất số 251, tờ bản đồ 02, diện tích 93,06m² tại khối 10, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An và quyền sở hữu tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 984761 do UBND thành phố V cấp ngày 14/07/2008 mang tên ông Nguyễn Vinh K.

Bà Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ tài chính, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Vinh K đã thực hiện đầy đủ như hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 25/11/2008 đã ký kết.

2.2. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị T thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, với số tiền được miễn là 150.000 đồng.

Ông Nguyễn Vinh K phải chịu 150.000 đồng án phí DSST nhưng do các đương sự thỏa thuận nguyên đơn chịu án phí DSST phần của bị đơn nên bà Nguyễn Thị T phải chịu số tiền án phí DSST là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND TP V
- Lưu HS

Hồ Nữ Hạnh Dung